TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Đổi
Bà Lý Thị Ngọc Mai.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST- DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh L.
- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1966
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh L.
(Ông P có mặt, ông T và bà L vắng mặt – Đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn P trình bày: Từ ngày 27/4/2015 đến ngày 18/7/2015, ông có bán vật tư nông nghiệp gồm thuốc trừ sâu và phân bón cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L để sản suất theo hình thức bao vụ. Sau khi thu hoạch xong thì ông T và bà L sẽ thanh toán tiền cho ông. Tuy nhiên tính đến ngày 30/12/2015, ông T và bà L còn nợ ông số tiền 19.728.000 đồng mà không trả, ông có nhờ chính quyền địa phương giải quyết thì ông T đồng ý trả số tiền trên cho ông nhưng đến nay vẫn không trả nên ông yêu cầu giải quyết buộc ông T và bà L trả cho ông số tiền 19.728.000 đồng, không yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo thụ lý vụ án cho ông T và bà L biết về yêu cầu khởi kiện của ông P nhưng ông P không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo quy định của pháp luật nhưng ông T và bà L cũng không đến Tòa án, do đó không tiến hành hòa giải được, ông P đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, ông P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi ông T và bà L trả cho ông số tiền 19.728.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L trả tiền do mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ là thuộc quan hệ tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005. Ông T, bà L là bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Giữa ông P với ông T, bà L có giao dịch mua bán vật tư nông nhiệp để sản xuất, tổng số tiền ông T, bà L còn nợ ông P là 19.728.000 đồng. Ông T và bà L vắng mặt tại phiên tòa mà cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông P. Tuy nhiên ông T và bà L đã nhận thông báo thụ lý vụ án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của ông P nên xem như ông T và bà L chấp nhận số tiền còn nợ ông P là 19.728.000 đồng.

Xét thấy số tiền ông T và bà L nợ ông P thời gian đã mà chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, ông P yêu cầu ông T và bà L trả số tiền trên là có căn cứ nên buộc ông T, bà L liên đới trách nhiệm trả cho ông P số tiền 19.728.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 298, 428 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015).

[3] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông T và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 298, Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015) và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P: Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L phải liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền là 19.728.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Trường hợp ông T và bà L chậm trả số tiền trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Buộc ông Lê văn T và bà Nguyễn Thị L liên đới chịu 986.000 đồng (Chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn P đã nộp là 594.000 đồng (Năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002555 ngày 06/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Kim Thanh